

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2024/HS-ST
Ngày: 23-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thân Văn Nhân

Bà Dương Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký TAND thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Đại diện VKSND thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt A – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 196/2024/TLST - HS ngày 06/9/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2024/QĐXXST-HS ngày 11/9/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Văn L, sinh năm 2001; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn N và bà Vương Thị Đ; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2024 đến nay. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Anh T – sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2. Chị Lương Thanh T1 – sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn H – sinh năm 1981 (vắng mặt)

2. Anh Trần Đoàn G – sinh năm 1981 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 20 phút ngày 15/5/2024, tại đường N, ở thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Đồn Công an Q phát hiện, bắt quả tang Trương Văn L, sinh năm 2001, ở thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ gồm: 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ, bên trong chứa 14 gói giấy bạc bên trong đều chứa chất cục bột màu trắng, nghi là ma túy Heroine để trong ví, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “QT”; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số I, bên trong lắp sim số 0357.060.749, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “QT ĐT”; 01 ví da màu nâu, bên trong có 01 Căn cước công dân mang tên Trương Văn L; số tiền 1.850.000 đồng, được niêm phong trong một phong bì thư ký hiệu “QT VÍ”. Sau đó, Đồn Công an Q hành bàn giao Trương Văn L cùng toàn bộ tang vật, tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V để giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan điều tra kiểm tra việc sử dụng ma túy đối với L bằng que tes nước tiểu, kết quả Len dương tính với ma túy Heroine.

Cùng ngày 15/5/2024, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Văn L đang thuê ở trọ tại phòng trọ số 405 nhà trọ của gia đình chị Hoàng Thị Ngọc Á, sinh năm 1982, ở tổ dân phố N, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, kết quả thu giữ: thu tại mặt giường ngủ của Len 01 gói giấy bạc, bên trong chứa chất cục bột màu trắng, nghi là ma túy heroine; 01 mảnh dao tem; 01 mảnh giấy bạc, toàn bộ được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KX”.

Cùng ngày 15/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V trưng cầu Phòng K Công an tỉnh B giám định chất ma túy, khối lượng chất ma túy thu giữ khi bắt quả tang và khám xét khẩn cấp được niêm phong trong phong bì kys hiệu “QT”, “KX”.

Tại kết luận giám định số 1095/KL-KTHS ngày 20/5/2024 của Phòng K-Công an tỉnh B, kết luận:

“5.1. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu “QT” được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 14 (mười bốn) gói giấy bạc, được đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 1,005 gam, loại Heroine (H).

5.2. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu “KX” được niêm phong gửi giám định: Không tìm thấy chất ma túy trên 01 (một) gói giấy bạc; 01 (một) mảnh dao tem. Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy bạc là ma túy, có tổng khối lượng 0,043 gam, loại Heroine (H).”

Quá trình điều tra, Trương Văn L khai nhận: L là đối tượng nghiện ma túy H1. Len thuê phòng trọ số 405 nhà trọ của gia đình chị Hoàng Thị Ngọc Á, sinh năm 1982 ở tổ dân phố N, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang để ở và tìm việc làm. Khoảng 15 giờ ngày 13/5/2024, L đi xe khách từ thị xã V đến thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang để tìm mua ma túy mang về sử dụng dần, do trước đó có người không quen biết ngoài xã hội nói cho biết ở địa điểm trên có người bán ma túy. Tại

khu vực ngã tư thị trấn K, huyện L, L gặp và hỏi một người đàn ông không biết họ tên, địa chỉ và không nhớ mặt về chỗ bán ma túy thì người này bảo L cùng góp tiền mua ma túy Heroin chung rồi chia nhau, mỗi người góp 2.300.000 đồng, L đồng ý. Người đàn ông đưa cho L 2.300.000 đồng để cùng mua 01 chỉ ma túy Heroine. Do trước đó, L xin được số điện thoại của người bán ma túy từ một người không quen biết, nên L sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của Len lắp sim số 0357.060.749 gọi đến số điện thoại 0868.352.940 của người bán ma túy để hỏi mua 01 chỉ ma túy. Người đàn ông bán ma túy nghe máy, đồng ý bán cho L 01 chỉ ma túy Heroine với giá 4.600.000 đồng, bảo Len chuyển trả trước tiền mua ma túy vào tài khoản Ngân hàng số 0868352940 mở tại Ngân hàng Cổ phần V (V1). Len sử dụng tài khoản Ngân hàng S mở tại Ngân hàng Q1 (đăng ký tên Lương Thanh T1, sinh năm 2003, trú tại thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn là bạn gái của L, cho Len mượn sim số điện 0357.060.749 và tài khoản Ngân hàng để sử dụng liên lạc và thanh toán hàng ngày) chuyển số tiền 4.600.000 đồng đến số tài khoản Ngân hàng H2 do người bán ma túy cung cấp. Sau khi chuyển tiền xong, L gọi điện thoại cho người bán ma túy thì người này bảo L đến cây xăng T2, ở thị trấn K thì rẽ phải vào khu vực nghĩa trang ở tổ dân phố Đ, thị trấn K thì gọi điện thoại cho người này. Sau đó, người đàn ông góp tiền mua ma túy với L điều khiển xe mô tô (Len không nhớ loại xe và biển kiểm soát) chở L đến khu vực nghĩa trang như người bán ma túy yêu cầu. Tới nơi, L gọi điện thoại thông báo cho người bán ma túy là L đã đến điểm hẹn. Người bán ma túy nghe điện thoại, chỉ dẫn L đi đến gốc cây keo bên trái đường hướng từ đường tránh thị trấn K đi vào khu dân cư để lấy ma túy. Len đi theo chỉ dẫn và lấy 02 gói ma túy Heroine đựng trong 02 túi ni lon để ở dưới đất, cạnh gốc cây rồi đưa cho người đàn ông đi cùng 01 gói ma túy, gói còn lại cất giấu trong người. Sau đó, người đàn ông chở L đến thị trấn K, huyện L và L đi xe khách về phòng trọ. Tại phòng trọ, L bỏ túi ma túy Heroine mua được ra dùng mảnh dao tem chia nhỏ số ma túy và gói trong 20 gói giấy bạc, mục đích để Len tiện sử dụng dần. Từ ngày 13/5/2024 đến ngày 14/5/2023, Len tự sử dụng 05 gói ma túy Heroin chia trước đó tại phòng trọ. Khoảng 13 giờ ngày 15/5/2024, Len bỏ lại phòng trọ 01 gói ma túy, để 14 gói ma túy còn lại trong túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ rồi cất giấu trong người rồi đi khỏi phòng trọ, mục đích để khi nào có nhu cầu sử dụng thì bỏ ra sử dụng. Khoảng 20 phút sau, L đi bộ tới khu vực đường nội bộ Khu công nghiệp Q ở thị xã V thì bị Đoàn Công an Q phát hiện bắt quả tang, thu giữ của L toàn bộ 14 gói ma túy Heroine nêu trên đang cất giấu trong người rồi bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V để xử lý theo pháp luật. Tiếp đó, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp phòng trọ của L thu giữ được 01 gói ma túy còn lại chưa kịp sử dụng cùng đồ vật có liên quan nêu trên.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, thu giữ của L; kết quả: bên trong lắp sim điện thoại số 0357.060.749, có cài đặt ứng dụng Ngân hàng Q1, số tài khoản 035706749. Trong tài khoản Ngân hàng có lịch sử chuyển tiền với tài khoản người bán ma túy trên. Tiến hành tra cứu chủ thuê bao, lịch sử cuộc gọi, chủ tài khoản Ngân hàng nhận tiền và số điện thoại của

người bán ma túy; kết quả chủ thuê bao số điện thoại 0868.352.940 và chủ tài khoản Ngân hàng số 0868.352.940 đều đăng ký mang tên Bùi Anh T, sinh năm 1963, trú tại tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Trong lịch sử cuộc gọi và lịch sử chuyển tiền có thông tin liên lạc, giao dịch với số điện thoại và tài khoản Ngân hàng Len sử dụng như nêu trên.

Cơ quan điều tra tiến hành làm việc thì anh T khai: anh T có đăng ký sim số điện thoại 0868.352.940 và mở tài khoản Ngân hàng số 0868.352.940 tại Ngân hàng Cổ phần V rồi cài đặt trên điện thoại cá nhân; sau đó bị rơi mất điện thoại vào khoảng tháng 02/2024. Từ khi bị rơi mất điện thoại, anh T không sử dụng số điện thoại và tài khoản Ngân hàng trên, chưa bao giờ đến tỉnh Bắc Giang, không mua bán ma túy, không biết L. Bản thân L cũng khai không biết họ tên, địa chỉ và chưa gặp mặt người bán ma túy. Cơ quan điều tra, xác minh tại địa điểm L khai mua ma túy, không xác định được người nào bán ma túy. Do đó, không có căn cứ chứng minh anh T liên quan đến mua bán ma túy. Cơ quan điều tra tách hành vi của người bán ma túy cho L ra, khi nào có căn cứ thì đề nghị xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 206/CT-VKS ngày 05/9/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố Trương Văn Len ra trước Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trương Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn L từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 15/5/2024.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, số imei 359153075563035, bên trong có lắp sim điện thoại số 0357060749, được niêm phong trong 01 bì thư và số tiền 1.850.000 đồng (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì ký hiệu “QT” chứa chất ma túy còn lại sau giám định, vỏ bao gói mẫu sau giám định được niêm phong bằng dấu của phòng ký

thuật hình sự công an tỉnh B có chữ ký cùng tên của Giám định viên và đại diện cơ quan trung cầu giám định; 01 phong bì ký hiệu “KX” chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 mảnh giấy bạc; 01 mảnh dao tem được niêm phong bằng dấu của Phòng K Công an tỉnh B có chữ ký cùng tên của Giám định viên và đại diện cơ quan trung cầu giám định.

+ Trả lại bị cáo 01 ví da màu nâu, bên trong có 01 căn cước công dân số 020201006140 mang tên Trương Văn L, sinh ngày 29/9/2001, nơi thường trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên

Lời nói sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Hồi 13 giờ 20 phút ngày 15/5/2024, tại đường nội bộ Khu Công nghiệp Q ở thị xã V, tỉnh Bắc Giang, Đồn Công an Q phát hiện, bắt quả tang Trương Văn L đang có hành vi tàng trữ trái phép trong người 1,005 gam ma túy Heroine rồi bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V điều tra theo thẩm quyền. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V khám xét khẩn cấp phòng trọ của L tại tổ dân phố N, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang thu giữ được 0,043 gam ma túy Heroine còn lại. Tổng khối lượng ma túy Heroine, Trương Văn L tàng trữ là 1,048 gam, mục đích chỉ để tự sử dụng dần.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng số 206/CT-VKS ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ chất ma túy là vật Nhà nước cấm lưu hành, là một trong những tệ nạn xã hội cần bài trừ, là một trong những nguyên nhân dẫn tới các hành vi phạm tội khác như trộm cắp, cướp tài sản, giết người..., là nguyên nhân dẫn tới gia đình ly tán, đã và đang ảnh hưởng rất lớn tới đời sống xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét về nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét tính chất vụ án, mức độ và hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát mới có đủ điều kiện để cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với ví, căn cước công dân là tài sản, giấy tờ của L không dùng vào việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo; đối với điện thoại di động bị cáo sử dụng liên lạc mua ma túy do vậy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với số tiền 1.850.000 đồng là tiền của người đàn ông đưa cho bị cáo để mua túy, tuy nhiên bị cáo đã dùng tiền trong tài khoản của bị cáo để trả cả số tiền mua ma túy, bị cáo xác định số tiền này không dùng để mua ma túy, tại phiên tòa bị cáo không nhận lại số tiền này, đề nghị sung vào công quỹ nhà nước, do vậy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền này; số ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với người đàn ông L khai góp tiền mua ma túy nhưng không biết thông tin, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với chị Lương Thanh T1 không biết L sử dụng điện thoại, tài khoản Ngân hàng của mình cho mượn để mua ma túy, không giúp sức cho L mua ma túy

và chị Á không biết L sử dụng, cất giấu ma túy tại phòng thuê trọ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[11] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trương Văn L, Công an thị xã V đã xử phạt hành chính theo quy định pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét

[12] Bị cáo hiện đang tạm giam để đảm bảo việc thi hành án, cần tiếp tục tạm giam bị cáo theo Điều 329 BLTTHS.

[13] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 15/5/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, số imei 359153075563035, bên trong có lắp sim điện thoại số 0357060749, được niêm phong trong 01 bì thư và số tiền 1.850.000 đồng (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì ký hiệu “QT” chứa chất ma túy còn lại sau giám định, vỏ bao gói mẫu sau giám định được niêm phong bằng dấu của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh B có chữ ký cùng tên của Giám định viên và đại diện cơ quan trung cầu giám định; 01 phong bì ký hiệu “KX” chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 mảnh giấy bạc; 01 mảnh dao tem được niêm phong bằng dấu của Phòng K Công an tỉnh B có chữ ký cùng tên của Giám định viên và đại diện cơ quan trung cầu giám định.

+ Trả lại bị cáo 01 ví da màu nâu, bên trong có 01 căn cước công dân số 020201006140 mang tên Trương Văn L, sinh ngày 29/9/2001, nơi thường trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- THAHS; THADS thị xã Việt Yên;
- Công an thị xã Việt Yên;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Tuyết